

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 02-4-2018.

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duyên

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Kim Dung

Ông Nguyễn Đức Đích

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố H tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 768/2017/TLST-HNGĐ ngày 20/11/ 2017 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/ 2018/QĐXX- ST ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thanh T, sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT: Tổ 39, khu 3, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Tạm trú : Tổ 40, khu 4, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Mai Như N, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 39, khu 3, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thanh T trình bày: Chị và anh Mai Như N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2011. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Cả hai vợ chồng đều đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2015 cho đến nay, mỗi người một nơi, chị đưa con gái về ở cùng với bố mẹ đẻ tại phường H, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Đến nay chị

nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn anh N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Mai Bảo Q sinh ngày 19 tháng 8 năm 2013, chị đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện tại chị T đang làm công nhân tại Công ty than H, mức thu nhập 5.000.000đồng/tháng, anh N làm tiếp thị sữa, thu nhập khoảng 4.500.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Mai Như N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh N đều vắng mặt không lý do, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Chị Bùi Thanh T và anh Mai Như N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm và đã có thời gian sống ly thân kéo dài (từ tháng 12 năm 2015 cho đến nay).

Tại đơn xác nhận ngày 22/01/2018, Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xác nhận: Vợ chồng anh Mai Như N và chị Bùi Thanh T kết hôn và sinh sống tại tổ 39 khu 3 phường H, Tp H, Quảng Ninh, do xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân hơn một năm (tính đến ngày 22/01/2018).

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bản thân anh N không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên không có căn cứ xem xét. Xét thấy, chị Bùi Thanh T xin ly hôn anh Mai Như N là có cơ sở nên cần giải quyết cho ly hôn là có căn cứ theo qui định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2].Về con chung: Xét yêu cầu của chị T về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con, căn cứ vào công việc và mức thu nhập của cả hai vợ chồng, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, nên cần giao cháu Mai Bảo Q cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp và cần buộc anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ theo qui định tại điều 81,82,83 luật hôn nhân và gia đình.

[3].Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Bùi Thanh T phải nộp án phí ly hôn, anh Mai Như N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 4 điều 147 BLTTDS; khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thanh T. Chị Bùi Thanh T được ly hôn anh Mai Như N.

Giao con chung Mai Bảo Q- sinh ngày 19/8/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/tháng (Một triệu đồng mỗi tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Bùi Thanh T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0002263 ngày 20/11/2017 của Thi hành án dân sự thành phố H. Anh Mai Như N phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bùi Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Mai Như N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKS thành phố H;
- THA thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Duyên

